TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ–ST
Ngày: 18–12–2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 02-10-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-11-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06-12-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11-12-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cà Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản M, xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản P, xã BP, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Cà Thị T trình bày:

Chị Cà Thị T và anh Quàng Văn A kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến

cuộc sống của ai. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Quàng Văn A.

Về con chung: Chị Cà Thị T và anh Quàng Văn A có 02 con chung là cháu Quàng Văn D, sinh ngày 14/9/2012 và cháu Quàng ĐK, sinh ngày 25/8/2015. Hiện tại cháu Quàng Văn D đang ở với chị Cà Thị T, còn cháu Quàng ĐK đang ở với anh Quàng Văn A.

Chị Cà Thị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Quàng Văn D và giao cháu Quàng ĐK cho anh Quàng Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị T cam đoan không có nợ chung.

Đối với bị đơn anh Quàng Văn A: Tòa án đã tiến hành triệu tập tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Quàng Văn A để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Quàng Văn A vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Cà Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến như trong bản tự khai và xin miễn án phí.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 17/11/2023: Kể từ khi kết hôn vợ chồng anh Quàng Văn A và chị Cà Thị T chung sống tại bản P, xã BP, huyện TC, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống nảy sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm được. Vợ chồng anh A, chị T có 02 con chung: Cháu Quàng Văn D đang ở với mẹ cháu, còn cháu Quàng ĐK đang ở với bố cháu.

Ý kiến của cháu Quàng Văn D, sinh ngày 14/9/2012 (Biên bản ghi ý kiến ngày 13/11/2023): Cháu Quàng Văn D có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở với chị Cà Thị T.

Ý kiến của cháu Quàng ĐK, sinh ngày 25/8/2015 (Biên bản ghi ý kiến ngày 03/11/2023): Cháu Quàng ĐK có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở với anh Quàng Văn A.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cà Thị T được ly hôn anh Quàng Văn A.

Về con chung: Giao cháu Quàng Văn D, sinh ngày 14/9/2012 cho chị Cà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Quàng ĐK, sinh ngày 25/8/2015 cho anh Quàng Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cà Thị T và anh Quàng Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Cà Thị T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Cà Thị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Quàng Văn A có nơi cư trú tại bản P, xã BP, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Cà Thị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Quàng Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị T và anh Quàng Văn A kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng anh A và chị T chung sống với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh A và chị T đã sống ly thân từ năm 2021, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn anh Quàng Văn A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Cà Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do vợ chồng không thể hòa giải được, đến ngày mở phiên tòa chị T vẫn kiên quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành triệu tập tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Quàng Văn A để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Quàng Văn A vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị T và anh A không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân được một thời gian dài không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Cà Thị T ly hôn với anh Quàng Văn A.

[3] Về con chung: Chị Cà Thị T và anh Quàng Văn A có 02 con chung là cháu Quàng Văn D, sinh ngày 14/9/2012 và cháu Quàng ĐK, sinh ngày 25/8/2015. Hiện tại cháu Quàng Văn D đang ở với chị Cà Thị T, còn cháu Quàng ĐK đang ở với anh Quàng Văn A.

Chị Cà Thị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Quàng Văn D và giao cháu Quàng ĐK cho anh Quàng Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ý kiến của cháu Quàng Văn D muốn ở với chị Cà Thị T. Ý kiến của cháu Quàng ĐK muốn ở với anh Quàng Văn A.

Xét thấy: Ý kiến của cháu Quàng Văn D và cháu Quàng ĐK đều có nguyện vọng đồng nhất với ý kiến của chị Cà Thị T. Anh Quàng Văn A và chị Cà Thị T đều có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị T và anh A đều đảm bảo được mọi điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần và học hành cho mỗi cháu. Do đó, cần giao cháu Quàng Văn D cho chị Cà Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và giao cháu Quàng ĐK cho anh Quàng Văn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cà Thị T và anh Quàng Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Chị T cam đoan không có nợ chung.

[8] Về án phí: Chị Cà Thị T là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Cà Thị T. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cà Thị T được ly hôn anh Quàng Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng Văn D, sinh ngày 14/9/2012 cho chị Cà Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con. Giao cháu Quàng ĐK, sinh ngày 25/8/2015 cho anh Quàng Văn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cà Thị T và anh Quàng Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị T cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Cà Thị T. Hoàn trả lại chị Cà Thị T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: 0000903, ngày 02/10/2023.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị T, anh Quàng Văn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Nghĩa